

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2020/HS-ST
Ngày 20/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hiền

Ông Nguyễn Huy Trụ

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Lê Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn B1**; - Sinh ngày 04/06/1992; Giới tính: Nam;
 - Tên gọi khác: Không;
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 8, xã K, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
 - Quốc tịch: Việt Nam; - Dân tộc: Kinh; - Tôn giáo: Không;
 - Trình độ học vấn: Lớp 12/12; - Nghề nghiệp: Lái xe;
 - Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T;
 - Vợ: Hà Thị Kim D; - Sinh năm: 1994;
 - Con: Chưa có;

- Tiền án, tiền sự : không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại xã K, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc B2**; - Sinh ngày 16/10/1990; Giới tính: Nam;

- Tên gọi khác: Không;

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 9, xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ;

- Quốc tịch: Việt Nam; - Dân tộc: Kinh; - Tôn giáo: Không;

- Trình độ học vấn: Lớp 12/12; - Nghề nghiệp: Lái xe;

- Con ông Nguyễn Văn A (Đã chết) và bà Tống Thị T;

- Vợ: Lê Thị H; - Sinh năm: 1993;

- Con: Nguyễn Lê Bảo T; - Sinh năm: 2014 - Còn nhỏ;

- Tiền án, tiền sự : không;

- Nhân thân: Bản án số 18/2012/HSST ngày 29/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Ngọc B2 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản. B2 chấp hành xong án treo kể từ ngày 20/7/2014 và chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm của bản án ngày 21/8/2012.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH JUNMA P

Địa chỉ: Lô số 7, khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Su Z – Quốc tịch: Trung Quốc – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cù Đức Hoàng T

Chức vụ: Giám đốc hành chính nhân sự kiêm Trợ lý Giám đốc Công ty TNHH Junma P

Địa chỉ: khu 24, xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn B1, sinh năm: 1992, trú tại: Khu 8, xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và Nguyễn Ngọc B2, sinh năm: 1990, trú tại: Khu 9, xã Hương Xạ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ đều là công nhân của Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ

thuộc Lô B10, khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ do ông Su Zhuomin – Quốc tịch: Trung Quốc làm giám đốc. Công việc chính của B2 là lái xe ô tô vận chuyển hàng cho công ty, công việc chính của B1 là lái xe nâng chở các kiện hàng ván ép do công ty sản xuất lên các xe chở hàng hoặc đưa đến các bộ phận của Công ty.

Khoảng 01 giờ sáng ngày 16/10/2019, Nguyễn Ngọc B2 đang ở phòng trọ của mình tại Đội 4, xóm Nội, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ thì nhận được điện thoại của anh Trần Đình Thuận, sinh năm: 1975, trú tại: Khu 3, xã Phú Nham, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ là lái xe tải của của công ty. Do bị mệt nên anh Thuận nhờ B2 đến chở các kiện hàng ván ép bị lỗi từ nơi tập kết sang lô B6 của công ty. B2 đồng ý đến công ty để làm thay công việc cho anh Thuận. Khoảng 02 giờ sáng cùng ngày, B2 đến công ty gặp anh Thuận và nhận bàn giao chiếc xe ô tô BKS: 88C-124.66 để thực hiện tiếp công việc thay cho anh Thuận. Sau đó, B2 điều khiển xe ô tô đến bãi tập kết hàng thì gặp Nguyễn Văn B1 là lái xe nâng của công ty, B2 bảo B1 lái xe nâng đưa các kiện ván ép bị lỗi lên thùng xe để B2 chở sang xưởng lô B6. B1 đồng ý rồi điều khiển xe nâng đưa 01 kiện hàng ván ép bị lỗi lên thùng xe. Lúc này, thấy trong bãi tập kết hàng có cả những kiện hàng ván ép thành phẩm nên B1 rủ B2 cùng chiếm đoạt để mang về nhà sử dụng, B2 đồng ý. B1 điều khiển xe nâng đưa 01 kiện hàng gồm 75 tấm ván ép thành phẩm xuất khẩu UV2, kích thước mỗi tấm: 12mm x 1220mm x 2440mm lên thùng xe ô tô và đưa thêm 01 kiện hàng ván ép bị lỗi nữa lên thùng xe để sắp xếp kiện hàng ván ép thành phẩm xuất khẩu vào giữa nhằm tránh sự phát hiện của bảo vệ và nhân viên của Công ty. Sau khi sắp xếp các kiện hàng lên xe, B1 và B2 thống nhất sẽ chở kiện hàng ván ép thành phẩm trên về cất giấu tại phòng trọ của B2, khi hết giờ làm sẽ chia nhau số ván ép này. Sau đó B2 điều khiển xe ô tô đi qua cổng phụ của Công ty để về nhà trọ. Khi B2 lái xe qua cổng phụ của công ty được một đoạn thì kiện ván ép thành phẩm bị đổ ra đường nên đã bị anh Lương B1 Nam, sinh năm: 1974, trú tại khu 12, xã Tiên Kiên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ là nhân viên bảo vệ của Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ phát hiện. Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ đã trình báo nội dung sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Việt Trì đồng thời ủy quyền cho ông Cù Đức Hoàng Tài – giám đốc hành chính nhân sự kiêm trợ lý giám đốc là người đại diện hợp pháp của công ty. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và giao cho Công ty TNHH JUNMA bảo quản 75 tấm ván ép thành phẩm xuất khẩu UV2, kích thước mỗi tấm: 12mm x 1220mm x 2440mm để phục vụ công tác điều tra.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Ngọc B2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Ngày 18/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Việt Trì đã có công văn số 204/YCĐG-CQĐT yêu cầu định giá tài sản đối với số tài sản mà B1 và B2 trộm cắp được của Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ. Tại bản Kết luận định giá tài sản phục vụ tố tụng hình sự số 150/2019/HĐĐG –KL ngày 21/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy B2n nhân dân thành phố Việt Trì kết luận:

“Đối với 75 (bảy mươi lăm) tấm ván ép thành phẩm xuất khẩu UV2 có kích thước 12mm x 1220mm x 2440mm có giá là: 33.225.000 đồng (B2 mươi B2 triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn).”

Ngày 02/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Việt Trì đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả 75 (bảy mươi lăm) tấm ván ép thành phẩm xuất khẩu UV2 cho Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ. Công ty đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Về điều kiện kinh tế của Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Ngọc B2: Qua xác minh, Cơ quan điều tra xác định, B1 và B2 sống chung cùng bố mẹ đẻ, ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu hàng ngày, B1 và B2 không có tài sản gì riêng có giá trị.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Ngọc B2 đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như đã nêu trên. Lời khai của B1 và B2 là phù hợp với vật chứng thu giữ được, phù hợp với lời khai của bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Ngọc B2 không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản phục vụ tố tụng hình sự số 150/2019/HĐĐG - KL ngày 21/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy B2n nhân dân thành phố Việt Trì.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 07-01-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Ngọc B2 về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Ngọc B2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B1 từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn B1 cho UBND xã K, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ giáo dục giám sát trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn B1 có trách nhiệm phối hợp UBND xã K, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo B1 từ 5.000.000đ đến 8.000.000đ

Khấu trừ thu nhập: Miễn áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn B1

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B2 từ 24 đến 28 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát,

giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Ngọc B2 cho UBND xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ giáo dục giám sát trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Ngọc B2 có trách nhiệm phối hợp UBND xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo B2 từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ

Khấu trừ thu nhập: Miễn áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Ngọc B2.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Việt Trì đã trả 75 (bảy mươi lăm) tấm ván ép thành phẩm xuất khẩu UV2 cho Công ty TNHH JUNMA P theo biên bản bàn giao đồ vật, tài sản ngày 02 tháng 12 năm 2019.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Ngọc B2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Ngọc B2 đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Nguyễn Ngọc B2: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn B1: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an thành phố Việt Trì, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi cấu thành tội phạm của các bị cáo:

Hồi 02 giờ 20 phút ngày 16/10/2019, tại Công ty trách nhiệm hữu hạn JUNMA Phú Thọ thuộc Lô B10, khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Ngọc B2 có hành vi trộm cắp 75 (bảy mươi lăm) tấm ván ép thành phẩm xuất khẩu UV2 có kích thước mỗi tấm là 12mm x 1220 mm x 2440 mm trị giá 33.225.000 đồng (B2 mươi B2 triệu hai trăm hai mươi

lăm nghìn đồng) của Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ. Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”. Như vậy hành vi của các bị cáo B1 và B2 đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

[3]. Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty TNHH JUNMA Phú Thọ được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với mức độ phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên trước khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo B1 và B2 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn B1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình vì vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc B2 được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo B2 không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng vì năm 2012, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Ngọc B2 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo B2 chấp hành xong án treo kể từ ngày 20/7/2014 và chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm của bản án ngày 21/8/2012. Bị cáo đã được xóa án tích.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng khoản 1 Điều 36 của Bộ luật hình sự quyết định hình phạt cải tạo không giam giữ cho các bị cáo cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên cần quyết định cho bị cáo B2 mức hình phạt nặng hơn bị cáo B1.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” do đó các bị cáo B1 và B2 có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là

hình phạt tiền. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc B2 cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền như vậy để răn đe giáo dục bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Văn B1 không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn B1.

Theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự quy định người bị kết án phải bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Xét thấy bị cáo B1 và B2 không có thu nhập ổn định vì vậy miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[5]. Về vật chứng:

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Việt Trì đã trao trả 75 (Bảy mươi lăm) tấm ván ép thành phẩm xuất khẩu UV2 cho Công ty TNHH JUNMA P.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo B1 và B2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Ngọc B2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B1 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Văn B1 cho UBND xã K, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ giáo dục giám sát trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn B1 có trách nhiệm phối hợp UBND xã K, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn B1

Về khấu trừ thu nhập: Miễn áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn B1

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B2 24 (Hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Ngọc B2 cho UBND xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ giáo dục giám sát trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Nguyễn Ngọc B2 có trách nhiệm phối hợp UBND xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc B2 10.000.000đ (Mười triệu đồng)

Khấu trừ thu nhập: Miễn áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Ngọc B2.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Việt Trì đã trao trả 75 (bảy mươi lăm) tấm ván ép thành phẩm xuất khẩu UV2 cho Công ty TNHH JUNMA P.

(Theo biên bản bàn giao đồ vật, tài sản ngày 02 tháng 12 năm 2019)

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Ngọc B2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP Việt Trì;
- Cơ quan điều tra CA TP Việt Trì;
- Chi cục THADS TP Việt Trì;
- Trại tạm giam CA tỉnh Phú Thọ;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã K, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; xã H, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HSVA, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lan